SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ; 24/07/2023

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2023/QĐ-UBND	*Quảng Trị, ngày 12 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng tiền hoặc hiện vật) thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Sở Tài chính tại Tờ trình số 2313/TTr-STC ngày 28 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 7 năm 2023.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Các Bộ: TC, LĐ -TB&XH, NN&PTNT;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các Bộ: TC, LĐTBXH, NN&PTNT và Vụ Pháp chế UBDT;
- TT.Tỉnh uỷ, HĐND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT_{TDP}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Sỹ Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng tiền hoặc hiện vật) thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Quyết định số 18 /2023/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)"

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đối với các công trình áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Các nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư và cá nhân có liên quan đến việc sử dụng, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện

Dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù được Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện khi đáp ứng các tiêu chí sau:

1. Thuộc nội dung đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Dự án nằm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

4. Kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện.

5. Cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp có đủ năng lực quản lý, tổ chức thi công và tổng mức đầu tư dự án dưới 500 triệu đồng.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, thanh toán vốn

1. Việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả; đúng quy định về quản lý đầu tư công và ngân sách nhà nước theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và quy định pháp luật hiện hành.

2. Thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng phải trên cơ sở kết quả nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

3. Các dự án giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện xây dựng công trình được chủ đầu tư (Ban Quản lý xã) tạm ứng, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư (Ban phát triển thôn) và không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng vốn. Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng dự án.

4. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng, việc thanh toán căn cứ vào hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định cụ thể trong hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng theo quy định hiện hành.

Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng, việc thanh toán trên căn cứ bảng xác định giá trị công việc hoàn thành. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán chi phí thực hiện công việc được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc.

5. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho dự án khi có đủ điều kiện thanh toán, đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

Điều 5. Hồ sơ kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư của dự án

1. Hồ sơ pháp lý

Ban Quản lý xã gửi hồ sơ, tài liệu đến Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán (gửi lần đầu khi giao dịch hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh), bao gồm:

a) Kế hoạch đầu tư công hằng năm được cấp có thẩm quyền giao.

b) Quyết định phê duyệt đầu tư dự án của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo dự toán xây dựng công trình hoặc bảng kê các chi phí đầu tư xây dựng.

c) Hợp đồng thực hiện công trình được ký kết giữa Ban Quản lý xã và Ban phát triển thôn (áp dụng hình thức giá hợp đồng trọn gói) hoặc hợp đồng mua bán hàng hóa (đối với hỗ trợ bằng hiện vật).

2. Hồ sơ tạm ứng vốn theo mẫu biểu ban hành kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 04.a/TT).

b) Chứng từ chuyển tiền (Mẫu số 05/TT).

3. Thanh toán khối lượng hoàn thành

a) Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng:

Hồ sơ thanh toán theo mẫu biểu ban hành kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT); Chứng từ chuyển tiền (Mẫu số 05/TT); Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (Mẫu số 04.b/TT đối với trường hợp thu hồi tạm ứng); Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành: Mẫu số 03.a/TT (phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận); Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh (Mẫu số 03.c/TT đối với trường hợp phát sinh khối lượng).

b) Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng:

Hồ sơ thanh toán theo mẫu biểu ban hành kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT); Chứng từ chuyển tiền (Mẫu số 05/TT); Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (Mẫu số 04.b/TT đối với trường hợp thu hồi tạm ứng); Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành: Mẫu số 03.a/TT (phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận); Bảng kê chứng từ thanh toán (chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm).

Điều 6. Tạm ứng vốn

1. Mức vốn tạm ứng

a) Đối với công việc thực hiện thông qua hợp đồng:

Mức tạm ứng vốn không vượt quá 30% giá trị hợp đồng. Trường hợp cần tạm ứng với mức cao hơn phải được người quyết định đầu tư cho phép. Người

quyết định mức tạm ứng chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình và quản lý việc sử dụng số vốn tạm ứng đúng quy định.

b) Đối với công việc thực hiện không thông qua hợp đồng:

Tổng mức vốn tạm ứng trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư đảm bảo không vượt quá 30% dự toán chi phí cho khối lượng công việc thực hiện được duyệt. Trường hợp cần tạm ứng với mức cao hơn phải được người quyết định đầu tư cho phép. Người quyết định mức tạm ứng chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình và quản lý việc sử dụng số vốn tạm ứng đúng quy định.

2. Thu hồi vốn tạm ứng

a) Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, mức thu hồi từng lần do Ban Quản lý xã thống nhất với Ban phát triển thôn, được quy định cụ thể trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng (trừ trường hợp được người có thẩm quyền cho tạm ứng ở mức cao hơn).

b) Đối với chi phí quản lý dự án: Ban Quản lý xã lập bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành (có chữ ký và đóng dấu của Ban Quản lý xã) gửi Kho bạc nhà nước làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng. Ban Quản lý xã không phải gửi chứng từ chi, hóa đơn mua sắm đến cơ quan kiểm soát, thanh toán và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán được duyệt.

Điều 7. Quyết toán vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước

1. Quyết toán vốn đầu tư theo niên độ hàng năm

Đối với vốn ngân sách nhà nước, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước lập báo cáo quyết toán theo năm ngân sách khi kết thúc năm theo quy định hiện hành.

2. Quyết toán dự án hoàn thành

a) Các dự án giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Trị khi hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng công chức chuyên môn thuộc quyền quản lý để thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành. Trường hợp công chức chuyên môn không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm tra báo cáo quyết toán.

c) Việc lập báo cáo quyết toán, thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán; nội dung thẩm tra quyết toán; thời hạn quyết toán; chế độ báo cáo, kiểm tra và các

nội dung có liên quan khác: Thực hiện theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP; Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán và các quy định pháp luật.

d) Đối với công trình thực hiện theo hình thức nhà nước hỗ trợ bằng hiện vật:

Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các thủ tục nhận bàn giao, chuẩn bị mặt bằng, kho bãi để bảo quản hiện vật hỗ trợ, mở sổ kế toán chi tiết để theo dõi riêng hiện vật được bàn giao. Giá trị của hiện vật phải được quy đổi ra tiền và tổng hợp vào chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Kịp thời phân bổ nguồn vốn cho cấp xã để triển khai đầu tư xây dựng các chương trình thực hiện theo quy định này.

b) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác lập, thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản khi Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ năng lực để thực hiện.

c) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Trường hợp công chức chuyên môn cấp xã không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành).

d) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện tại cấp xã.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện phân bổ kế hoạch vốn đầu tư do cấp huyện quản lý; Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch vốn hàng năm theo quy định.

b) Tổ chức thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành khi có văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Trường hợp công chức chuyên môn cấp xã không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành).

c) Kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng và quyết toán vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện.

3. Kho bạc Nhà nước cấp huyện

a) Thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho dự án khi có đủ điều kiện thanh toán, đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

b) Hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến quy trình, thủ tục tạm ứng, thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Triển khai thực hiện các dự án giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình trên địa bàn xã theo cơ chế đặc thù; huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã tham gia thực hiện xây dựng công trình.

b) Tổ chức thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ năng lực thẩm định hồ sơ xây dựng công trình, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức thẩm định.

c) Thực hiện quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, an toàn lao động, môi trường xây dựng, chi phí quản lý đầu tư xây dựng công trình.

d) Giao cho Ban Quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn trực tiếp quản lý vận hành công trình xây dựng.

5. Ban Quản lý xã

a) Lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định. Trường hợp gặp khó khăn trong lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản.

b) Quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; ký hợp đồng với Ban phát triển thôn để tổ chức thi công công trình, giám sát trong quá trình thi công, tổ chức nghiệm thu công trình; tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức huy động sự đóng góp của nhân dân để thi công công trình; tổng hợp theo dõi chi tiết các khoản nhân dân đóng góp xây dựng công trình.

c) Thực hiện đúng quy định pháp luật về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư thuộc NSNN giao cho cộng đồng tự thực hiện công trình.

6. Ban phát triển thôn

a) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho thôn thực hiện công trình, Ban phát triển thôn lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định. Trường hợp gặp khó khăn trong lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản, Ban phát triển thôn có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản.

b) Tổ chức thi công công trình, phối hợp với Ban Quản lý xã thực hiện giám sát và nghiệm thu công trình.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.